

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-PT

Ngày 11-03-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất;
yêu cầu sở hữu tài sản và buộc tháo
dỡ, di dời tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán thành viên: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Vi Đức Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2021/TLPT- DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu sở hữu tài sản và buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 03 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Xuân Q, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 29, ngõ 137, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Dương Thị T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 29, ngõ 137, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Ông Triệu Cương Q, sinh năm 1977. Địa chỉ: Phố Đ, xã V, huyện, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Nông Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Trần Xuân Q, bà Dương Thị T, ông Triệu Cương Q, ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T: Ông Triệu Quang H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 268, đường H, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền ngày 30-11-2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn ông Trần Xuân Q, bà Dương Thị T, ông Triệu Cương Q, ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T: Ông Hoàng Thanh T - Luật sư Văn phòng Luật sư T - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh - Chi nhánh tại Lạng Sơn. Địa chỉ: Số 268, đường H, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Phong Q, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị Kim K, Luật sư - Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Số 75, đường N, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn: Bà Hoàng Thị Thu H - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản số 975/GUQ-STNMT ngày 03-6-2021); có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh L - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản số 2286/UNND-VP ngày 17-8-2021); vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T - Chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

4. Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông La Văn T - Chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Lạng Sơn. Địa chỉ: Số 88-90, đường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp vắng mặt.

6. Công ty trách nhiệm hữu hạn Q. Địa chỉ: Thôn Phai L, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Phong Q- Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

7. Ông Trần Xuân P (tên gọi khác: P1), sinh năm 1954. Nơi đăng ký hộ

khẩu thường trú: Tổ 1, khối 8, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ liên hệ: Số 29, ngõ 137, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Bà Hứa Thị H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Bà Triệu Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Phố Đ, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Hứa Thị H, bà Triệu Thị H: Ông Triệu Quang H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 268, đường H, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền ngày 19-5-2021); có mặt.

10. Bà Thạch Hồng B, sinh năm 1952; vắng mặt.

11. Anh Vũ Vương H, sinh năm 1984; vắng mặt.

12. Anh Vũ Thái V, sinh năm 1989; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

13. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 88, đường C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Bà Vũ Thị C, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 30, ngõ 92, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

15. Ông Nông Thanh H, sinh năm 1957. Địa chỉ: Khối 7, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

16. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 29, ngõ 137, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Vũ Phong Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Triệu Quang H là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Trần Xuân Q, bà Dương Thị T, ông Triệu Cương Q, ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T trình bày:

Năm 2017, bà Dương Thị T nhận chuyển nhượng đất tại thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn với bà Vũ Thị C. Ngày 22-5-2018, bà Dương Thị T đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Ngày 26-6-2018, bà Dương Thị T được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 386480 đối với thửa đất số 236, diện tích 4475,3m², tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, bà Dương Thị T giao cho con trai là ông Trần Xuân Q trực tiếp quản lý, sử dụng, ngày 20-02-2020, ông Trần Xuân Q có đơn đăng ký kê khai biến động đất đai,

tài sản gắn liền với đất để thực hiện thủ tục tách thửa đất số 236, diện tích 4475,3m² thành 05 thửa đất, gồm: Thửa đất số 284 diện tích 1446,6m²; thửa đất số 285 diện tích 317,2m²; thửa đất số 286 diện tích 1701,8m²; thửa đất số 287 diện tích 282,5m²; thửa đất số 288 diện tích 727,2m². Tiếp đó, ông Trần Xuân Quốc thực hiện thủ tục tách thửa đất số 284 diện tích 1446,6m² thành 06 thửa đất, gồm: Thửa đất số 292 diện tích 204,6m²; thửa đất số 293 diện tích 89,3m²; thửa đất số 294 diện tích 90,5m²; thửa đất số 295 diện tích 91,6m²; thửa đất số 324 diện tích 208,3m²; thửa đất số 325 diện tích 762,3m². Thực hiện thủ tục tách thửa đất số 288 thành 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 322 diện tích 364,5m²; thửa đất số 323 diện tích 362,7m².

Ngày 01-8-2019, bà Dương Thị T tặng cho ông Trần Xuân Q thửa đất số 292; chuyển nhượng cho ông Triệu Cương Q và bà Triệu Thị H thửa đất số 293; chuyển nhượng cho ông Nông Văn T và bà Hứa Thị H thửa đất số 294. Ngày 05-02-2020, ông Trần Xuân Q chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị T thửa đất số 295.

Các thửa đất số 292, 293, 294, 295, 322, 323, 324 và 325 đều đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng người có quyền sử dụng đất. Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

Ông Trần Xuân Q yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 32,9m² thuộc thửa đất số 292. Yêu cầu ông Vũ Phong Q tháo dỡ, di dời bờ kè xây bằng gạch, dây điện bắc qua thửa đất số 292.

Bà Dương Thị T yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 8,1m² thuộc thửa đất số 324; 64m² thuộc thửa đất số 325. Yêu cầu ông Vũ Phong Q tháo dỡ, di dời bờ kè xây bằng gạch trên thửa đất số 324, 325; cột điện, dây điện trên thửa đất số 322, 323.

Ông Triệu Cương Q yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 11,1m² thuộc thửa đất số 293. Yêu cầu ông Vũ Phong Q tháo dỡ, di dời bờ kè xây bằng gạch trên thửa đất số 293.

Ông Nông Văn T yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 11,1m² thuộc thửa đất số 294. Yêu cầu ông Vũ Phong Q tháo dỡ, di dời bờ kè xây bằng gạch trên thửa đất số 294.

Bà Hoàng Thị T yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 11,1m² thuộc thửa đất số 295. Yêu cầu ông Vũ Phong Q tháo dỡ, di dời bờ kè xây bằng gạch trên thửa đất số 295.

Bị đơn ông Vũ Phong Q trình bày: Đất tranh chấp nằm trong khoảnh 9, lô 3, diện tích 9,28ha, địa danh Nà G, thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng tại Quyết định số 555/UB-QĐ ngày 31-12-1993 (sau viết tắt là Sổ xanh). Ông đã quản lý, sử dụng liên tục đất tranh chấp từ năm 1986 cho đến năm 2018 không có ai đến tranh chấp đến khi bà Dương Thị T thực hiện các

thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu mới xảy ra tranh chấp. Từ khi ông quản lý, sử dụng ông có trồng cây tre, cây bạch đàn, cây gai Trung Quốc, cây mỡ, hiện vẫn còn trên đất tranh chấp. Năm 2004, Công ty trách nhiệm hữu hạn Q có đầu tư xây dựng hệ thống cống thoát nước, hệ thống dây điện để phục vụ hoạt động sản xuất của công ty. Khoảng tháng 4 năm 2018, ông cho xây bức tường bằng gạch. Năm 2019, khi cơ quan chức năng tiến hành trích đo để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn ông không đồng ý. Tuy nhiên không hiểu sao các nguyên đơn vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi có Kết luận giám định tư pháp theo vụ việc kết luận đất tranh chấp không nằm trong Sổ xanh của ông, ông đồng ý. Vì Sổ xanh có hệ tọa độ rất lớn 1/10.000, khu đất của ông có nhiều thửa, thời điểm cấp Sổ xanh thì khu đất này đang sản xuất gạch, công chức địa chính xã cũng không chỉ dẫn cụ thể cho ông nên ông không biết diện tích đất tranh chấp có vào Sổ xanh hay không, đất tranh chấp do ông đã quản lý, sử dụng từ năm 1986, đến năm 1993 ông mới làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Hà Viết K, Hà Viết L cùng trú tại thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Việc chuyển nhượng có lập thành văn bản, có vẽ sơ đồ đất chuyển nhượng và có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, ông không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Ông yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, yêu cầu Tòa án hủy một phần các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các nguyên đơn đối với phần diện tích đất có tranh chấp, yêu cầu được sở hữu tài sản có trên đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn: Ông Trần Xuân P, bà Hứa Thị H, bà Triệu Thị H, bà Nguyễn Thị T nhất trí với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn: Bà Thạch Thị Hồng B, anh Vũ Vương H, anh Vũ Thái V, Công ty trách nhiệm hữu hạn Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, nhất trí với ý kiến trình bày của ông Vũ Phong Q.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã H, trình bày: Sổ giao nhận diện tích theo hiện trạng sử dụng cho chủ sử dụng đất được lập năm 1998 tại mục họ tên chủ sử dụng thể hiện thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đứng tên chủ sử dụng. Tuy nhiên, thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29 không phải là do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C quản lý, sử dụng do tại thời điểm đo đạc chủ sử dụng đất không có mặt tại thực địa, không đứng ra ký nhận tại thời điểm đo đạc, kê khai. Ủy ban nhân dân xã H, huyện C không có yêu cầu gì đối với thửa đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn C, trình bày: Sổ giao nhận diện tích theo hiện trạng sử dụng cho chủ sử dụng được lập năm 1998 tại mục họ tên chủ sử dụng thể hiện các thửa đất số 43, 50, 66 tờ bản đồ số 29 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đứng tên chủ sử dụng. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C không quản lý, sử dụng các thửa đất số 43, 50,

66 tờ bản đồ số 29. Do các thửa đất này không thuộc địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân thị trấn C. Ủy ban nhân dân thị trấn C không có yêu cầu gì đối với các thửa đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị T đối với thửa đất số 236, diện tích $4.475,3\text{m}^2$, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Xuân Q thửa đất số 292; ông Triệu Cương Q và bà Trịnh Thị H thửa đất số 293; ông Nông Văn T và bà Hứa Thị H thửa đất số 294; bà Hoàng Thị T thửa đất số 295; bà Dương Thị T đối với các thửa đất số 322, 323, 324, 325 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, việc ông Vũ Phong Q đề nghị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với thửa đất số 292, 293, 294, 295, 324, 325 là không có cơ sở.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-6-2021, xác định đất tranh chấp, gồm các thửa sau:

1. Đất tranh chấp giữa ông Trần Xuân Q và ông Vũ Phong Q ký hiệu S1 = $S_{ABOP} = 39,0\text{m}^2$, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp taluy đường bê tông; Phía Đông giáp thửa đất số 293; Phía Nam giáp thửa đất số 292; Phía Tây giáp thửa đất số 292.

Tài sản trên đất gồm có: 10 cây bạch đàn có đường kính 5cm-10cm; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 16,93m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng); dây điện bắc qua dài 3,28m.

2. Đất tranh chấp giữa ông Triệu Cương Q và ông Vũ Phong Q ký hiệu S2 = $S_{BCNO} = 11,1\text{m}^2$, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp taluy đường bê tông; Phía Đông giáp thửa đất số 294; Phía Nam giáp thửa đất số 293; Phía Tây giáp thửa đất số 292.

Tài sản trên đất gồm có: 01 cây bạch đàn có đường kính <5cm, 01 cây bạch đàn có đường kính 18cm; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 5m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

3. Đất tranh chấp giữa ông Nông Văn T và ông Vũ Phong Q ký hiệu S3 = $S_{CDMN} = 10,9\text{m}^2$, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp taluy đường bê tông; Phía Đông giáp thửa đất số 295; Phía Nam giáp thửa đất số 294; Phía Tây giáp thửa đất số 293.

Tài sản trên đất gồm có: 02 cây bạch đàn có đường kính 5cm; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 5m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

4. Đất tranh chấp giữa bà Hoàng Thị T và ông Vũ Phong Q ký hiệu S4 = $S_{DELM} = 10,7\text{m}^2$, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp taluy đường bê

tông; Phía Đông giáp thửa thất số 324; Phía Nam giáp thửa đất số 295; Phía Tây giáp thửa đất số 294.

Tài sản trên đất gồm có: 01 cây bạch đàn có đường kính 80cm, 01 cây keo có đường kính 30cm; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 5m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

5. Đất tranh chấp giữa bà Dương Thị T và ông Vũ Phong Q, gồm:

- Diện tích đất ký hiệu S5 = $S_{\text{EFKL}} = 8,4\text{m}^2$, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp taluy đường bê tông; Phía Đông giáp thửa thất số 325; Phía Nam giáp thửa đất số 324; Phía Tây giáp thửa đất số 295.

Tài sản trên đất gồm có: 01 hàng rào bụi gai dài 3m; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 4,18m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

- Diện tích đất tranh chấp ký hiệu S6 = $S_{\text{FGH1H2IJK}} = 56,8\text{m}^2$, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp taluy đường bê tông; Phía Đông giáp thửa thất số 325; Phía Nam giáp thửa đất số 325; Phía Tây giáp thửa đất số 324.

Tài sản trên đất gồm có: 03 bụi tre (02 bụi tre to, 01 bụi tre nhỏ), tổng số là 120 cây), 01 bụi gai nhỏ dài khoảng 1,8m; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 29,22m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng); 01 cổng phi 80cm dài 2m.

6. Dây điện bắc qua thửa đất số 322 dài 18,60m (ký hiệu UT trên sơ đồ khu đất tranh chấp); 01 cột điện H7,5m.

7. Dây điện bắc qua thửa đất số 323 dài 14,80m (ký hiệu TS).

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 22-6-2021 của Hội đồng định giá tài sản:

Xác định giá trị quyền sử dụng đất theo bảng giá nhà nước là 400.000 đồng/m², giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là 3.000.000 đồng/m²; tường xây bằng gạch chỉ, không trát có đơn giá 2.071.000 đồng/m²; cây bạch đàn có đường kính 5cm đến 10cm có đơn giá 24.000 đồng/cây; cây bạch đàn có đường kính <5cm có đơn giá 8.000 đồng/cây; cây bạch đàn có đường kính 18cm có đơn giá 66.000 đồng/cây; cây keo có đường kính 30cm có đơn giá 117.000 đồng/cây; hàng rào bụi gai có đơn giá 12.000/m; cây tre có đơn giá 10.500 đồng/cây; 01 cổng phi 80 dài 2m có giá 1.600.000 đồng; cột điện H7,5m có giá 1.250.000 đồng; dây điện có giá 1.800.000 đồng/m.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 06-8-2021, Người giám định tư pháp theo vụ việc kết luận:

- Đất tranh chấp trùng và chồng lấn một phần với thửa đất số 236, 284, 292, 293, 294, 295, 324, 325.

- Đất tranh chấp không trùng và không chồng lấn với khoảnh số 9, 10 lô 3, địa danh Nà G, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được thể hiện tại Hồ sơ giao

quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 555/UB-QĐ ngày 31-12-1993 của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân Q, ông Triệu Cương Q, ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T và bà Dương Thị T về yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất, yêu cầu được sở hữu tài sản và buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tranh chấp.

1. Ông Trần Xuân Q được quyền quản lý, sử dụng đất có diện tích 39m² (ba mươi chín mét vuông), thuộc một phần của thửa đất số 292, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã Hợp T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 510385, số vào sổ cấp GCN: CS-01887, cấp ngày 20-01-2020 cho ông Trần Xuân Q. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A-B-O-P thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp taluy đường bê tông, được giới hạn bởi các điểm A-B, có chiều dài 16,92m.

- Phía Đông giáp thửa đất số 293, được giới hạn bởi các điểm B-O, có chiều dài 2,24m.

- Phía Nam giáp thửa đất số 292, được giới hạn bởi các điểm O-P, có chiều dài 16,93m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 292, được giới hạn bởi các điểm P-A, có chiều dài 2,36m.

1.1. Ông Trần Xuân Q được sở hữu 10 (mười) cây bạch đàn có đường kính 5cm-10cm.

1.2. Buộc ông Vũ Phong Q phải tháo dỡ, di dời một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 16,93m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng) ra khỏi diện tích đất đã nêu ở mục 1 và phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

1.3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q phải tháo dỡ, di dời dây điện có chiều dài 3,28m, được giới hạn bởi các điểm Q-R thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án ra khỏi diện tích đất đã nêu ở mục 1 và phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

2. Ông Triệu Cương Q và bà Triệu Thị H được quyền quản lý, sử dụng đất có diện tích 11,1m² (mười một phẩy một mét vuông), thuộc một phần của thửa đất số 293, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR

510376, số vào sổ cấp GCN: CS-01880, cấp ngày 20-01-2020 cho ông Triệu Cương Q và bà Triệu Thị H. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm B-C-N-O thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp ta luy đường bê tông, được giới hạn bởi các điểm B-C, có chiều dài 5m.

- Phía Đông giáp thửa đất số 294, được giới hạn bởi các điểm C-N, có chiều dài 2,20m.

- Phía Nam giáp thửa đất số 293, được giới hạn bởi các điểm N-O, có chiều dài 5m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 292, được giới hạn bởi các điểm O-B, có chiều dài 2,24m.

2.1. Ông Triệu Cương Q được sở hữu 01 (một) cây bạch đàn có đường kính <5cm, 01 (một) cây bạch đàn có đường kính 18cm.

2.2. Buộc ông Vũ Phong Q phải tháo dỡ, di dời một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 5m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng) ra khỏi diện tích đất đã nêu ở mục 2 và phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

3. Ông Nông Văn T và bà Hứa Thị H được quyền quản lý, sử dụng đất có diện tích 10,9m² (mười phẩy chín mét vuông), thuộc một phần của thửa đất số 294, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 510377, số vào sổ cấp GCN: CS-01881, cấp ngày 20-01-2020 cho ông Nông Văn T và bà Hứa Thị H. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm C-D-M-N thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp taluy đường bê tông, được giới hạn bởi các điểm C-D, có chiều dài 5m.

- Phía Đông giáp thửa đất số 295, được giới hạn bởi các điểm D-M, có chiều dài 2,17m.

- Phía Nam giáp thửa đất số 294, được giới hạn bởi các điểm M-N, có chiều dài 5m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 293, được giới hạn bởi các điểm N-C, có chiều dài 2,20m.

3.1. Ông Nông Văn T được sở hữu 02 (hai) cây bạch đàn có đường kính 5cm.

2.2. Buộc ông Vũ Phong Q phải tháo dỡ, di dời một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 5m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng) ra khỏi diện tích đất đã nêu ở mục 3 và phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

4. Bà Hoàng Thị T được quyền quản lý, sử dụng đất có diện tích 10,7m² (mười phẩy bảy mét vuông), thuộc một phần của thửa đất số 295, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480106, số vào sổ cấp GCN: CS-01925, cấp ngày 27-02-2020 cho bà Hoàng Thị T. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm D-E-L-M thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp taluy đường bê tông, được giới hạn bởi các điểm D-E, có chiều dài 5m.

- Phía Đông giáp thửa đất số 324, được giới hạn bởi các điểm E-L, có chiều dài 2,14m.

- Phía Nam giáp thửa đất số 295, được giới hạn bởi các điểm L-M, có chiều dài 5m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 294, được giới hạn bởi các điểm M-D, có chiều dài 2,17m.

4.1. Bà Hoàng Thị T được sở hữu 01 (một) cây bạch đàn có đường kính 80cm, 01 (một) cây keo có đường kính 30cm.

4.2. Buộc ông Vũ Phong Q phải tháo dỡ, di dời một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 5m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng) ra khỏi diện tích đất đã nêu ở mục 4 và phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

5. Bà Dương Thị T được quyền quản lý, sử dụng đất có diện tích 8,4m² (tám phẩy bốn mét vuông), thuộc một phần của thửa đất số 324, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480132, số vào sổ cấp GCN: CS-01929, cấp ngày 28-02-2020 cho bà Dương Thị T. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm E-F-K-L thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp taluy đường bê tông, được giới hạn bởi các điểm E-F, có chiều dài 3,65m.

- Phía Đông giáp thửa đất số 325, được giới hạn bởi các điểm F-K, có chiều dài 2,18m.

- Phía Nam giáp thửa đất số 324, được giới hạn bởi các điểm K-L, có chiều dài 4,18m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 295, được giới hạn bởi các điểm L-E, có chiều dài 2,14m.

5.1. Bà Dương Thị T được sở hữu 01 (một) hàng rào bụi gai dài 3m.

5.2. Buộc ông Vũ Phong Q phải tháo dỡ, di dời một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 4,18m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng) ra khỏi diện tích đất đã nêu ở mục 5 và phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

6. Bà Dương Thị T được quyền quản lý, sử dụng đất có diện tích 56,8m² (năm mươi sáu phẩy tám mét vuông), thuộc một phần của thửa đất số 325, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480134, số vào sổ cấp GCN: CS- 01927, cấp ngày 28-02-2020 cho bà Dương Thị T. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm FGH1H2IJK thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp taluy đường bê tông, được giới hạn bởi các điểm F-G có chiều dài 26,81m, các điểm G-H1 có chiều dài 2m, các điểm H1-H2 có chiều dài 1,06m.

- Phía Đông giáp thửa đất số 325, được giới hạn bởi các điểm H2-I, có chiều dài 1,66m.

- Phía Nam giáp thửa đất số 325, được giới hạn bởi các điểm I-J có chiều dài 18,60m và các điểm J-K có chiều dài 10,62m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 324, được giới hạn bởi các điểm K-F, có chiều dài 2,18m.

6.1. Bà Dương Thị T được sở hữu 03 (ba) bụi tre (02 bụi tre to, 01 bụi tre nhỏ, tổng số là 120 cây), 01 (một) bụi gai nhỏ dài khoảng 1,8m.

6.2. Buộc ông Vũ Phong Q phải tháo dỡ, di dời một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 29,22m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng) ra khỏi diện tích đất đã nêu ở mục 6 và phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

6.3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q phải tháo dỡ, di dời 01 (một) cống phi 80cm dài 2m ra khỏi diện tích đất đã nêu ở mục 6 và phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

7. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q phải tháo dỡ, di dời 01 (một) cột điện H7,5m và dây điện dài 18,60m được giới hạn bởi các điểm U-T thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án ra khỏi thửa đất số 322 tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C,

tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480133, số vào sổ cấp GCN: CS-01928, cấp ngày 28-02-2020 cho bà Dương Thị T. Công ty trách nhiệm hữu hạn Q phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

8. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q phải tháo dỡ, di dời dây điện dài 14,80m được giới hạn bởi các điểm T-S thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án ra khỏi khối thửa đất số 323 tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480131, số vào sổ cấp GCN: CS-01930, cấp ngày 28-02-2020 cho bà Dương Thị T. Công ty trách nhiệm hữu hạn Q phải tự chịu chi phí tháo dỡ, di dời.

II. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T đã rút đối với đất có diện tích $0,4m^2$, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm H-H1-H2 thể hiện tại Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo Bản án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chi chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật quy định ngày 30/9/2021 bị đơn ông Vũ Phong Q nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xác định đất tranh chấp thuộc một phần các thửa 292 diện tích $39m^2$ được cấp GCNQSDĐ cho anh Trần Xuân Q; thửa 293 diện tích $11,1m^2$ được cấp GCNQSDĐ cho anh Triệu Cường Q; thửa 294 diện tích $10,9m^2$ được cấp GCNQSDĐ cho anh Nông Văn T; thửa 295 diện tích $10,7m^2$ được cấp GCNQSDĐ cho chị Hoàng Thị T; thửa 324 diện tích $8,4m^2$ được cấp GCNQSDĐ cho bà Dương Thị T; thửa 325 diện tích $57,2m^2$ được cấp GCNQSDĐ cho bà Dương Thị T. Nguồn gốc đất tranh chấp là do bà Dương Thị T mua của bà Vũ Thị C năm 2017, nhưng không rõ số thửa đất, đến năm 2018 bà Dương Thị T đi kê khai và được cấp GCNQSDĐ là thửa số 326 (Được hợp thành từ các thửa 43, 48, 49, 50, 51, 56, 66, 67) với tổng diện tích $4.475,2m^2$. Sau khi được cấp GCNQSDĐ bà Dương Thị T đã làm thủ tục tách thửa 236 thành 05 thửa gồm:

Thửa 284 diện tích 1446,6m²; thửa 285 diện tích 317,2m²; thửa 286 diện tích 1701,8m² thửa 287 diện tích 282,5m²; thửa 288 diện tích 727,2m²; tiếp đó thực hiện tách thửa 284; 288 ra nhiều thửa nhỏ, cụ thể: Thửa 284 tách ra thành 06 thửa nhỏ là thửa 192 diện tích 204,6m²; thửa 293 diện tích 89,3m²; thửa 294 diện tích 90,5m²; thửa 295 diện tích 91,6m²; thửa 324 diện tích 208,3m²; thửa 325 diện tích 762,3m². Thửa 288 được tách thành 02 thửa là thửa 322 diện tích 364,5m²; thửa 323 diện tích 362,7m²; trên các thửa đất tranh chấp có bức tường, cống thoát nước, các cây do ông Vũ Phong Q trồng và cột điện, dây điện của Công ty TNHH đi qua các thửa đất tranh chấp (Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ).

Ngày 04/3/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn lập biên bản hòa giải, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung: Nguyên đơn bồi thường cho ông Vũ Phong Q số tiền 150.000.000 đồng, các nguyên đơn được quản lý sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp là bức tường, cống thoát nước, các cây trồng trên đất các nguyên đơn được quyền sở hữu; đối với cây cột điện và dây điện ông Vũ Phong Q có trách nhiệm tháo dỡ, di dời ra khỏi đất tranh chấp; về chi phí tố tụng nguyên đơn tự nguyên chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung biên bản đã thỏa thuận ngày 04/3/2022, các đương sự đã giao nhận tiền cho nhau và lập biên bản giao nhận tại phiên tòa, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí sơ thẩm các đương sự tự thỏa thuận ông Vũ Phong Q phải chịu, nhưng do ông Quyết là người cao tuổi được miễn án phí; về án phí đối với Công ty TNHH Q bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Q phải tháo dỡ, di dời cột điện và dây điện ra khỏi vị trí đất tranh chấp nhưng không xem xét nghĩa vụ chịu án phí là thiếu sót, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc Công ty TNHH Quyết Thắng phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn tự nguyện chịu án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sự thỏa thuận của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 300 BLTTDS.

Về án phí dân sự phúc thẩm, tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm do ông Vũ Phong Q là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 và có đơn đề nghị miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm có một số thiếu sót như: Tại cấp sơ thẩm ông Vũ Phong Q yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đối với đất tranh chấp, bản án sơ thẩm chưa xác định thiếu quan hệ pháp luật là thiếu sót theo quy định tại mục 4,

12, Mẫu số 52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Từ những nội dung nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của TAND huyện Cao Lộc công nhận sự thảo thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có ủy quyền, có đơn xin vắng mặt hoặc đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng không có lý do chính đáng, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án và các đương sự có mặt tại phiên tòa đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Triệu Quang H là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Trần Xuân Q, bà Dương Thị T, ông Triệu Cương Q, ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T đã tự thỏa thuận với bị đơn ông Vũ Phong Q và cũng là người đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Q về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, việc tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể:

[3] Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Triệu Quang H thống nhất tự thỏa thuận bồi thường và hỗ trợ cho phía bị đơn ông Vũ Phong Q số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); xác nhận ông Vũ Phong Q đã được ông Triệu Quang H là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn giao nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng, theo biên bản giao nhận tiền tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/3/2022.

[4] Ông Trần Xuân Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 39m², thuộc một phần thửa đất số 292, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh thửa A-B-O-P; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 510385, số vào sổ cấp GCN: CS-01887, cấp ngày 20-01-2020 cho ông Trần Xuân Q; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và quyền sở hữu 10 cây bạch đàn (đường kính 5cm-10cm) có trên đất; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 16,93m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

[5] Ông Triệu Cương Q và bà Triệu Thị H được quyền quản lý, sử dụng đất có diện tích đất tranh chấp 11,1m², thuộc một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện trên Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp bởi các đỉnh thửa C-N-O; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 510376, sổ vào sổ cấp GCN: CS-01880, cấp ngày 20-01-2020 cho ông Triệu Cương Q và bà Triệu Thị H; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 02 cây bạch đàn (01 cây có đường kính dưới 5cm, 01 có đường kính 18cm) trồng trên đất tranh chấp; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 05m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

[6] Ông Nông Văn T và bà Hứa Thị H được quyền quản lý, sử dụng đất có diện tích đất tranh chấp 10,9m², thuộc một phần của thửa đất số 294, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh thửa C-D-M-N; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 510377, sổ vào sổ cấp GCN: CS-01881, cấp ngày 20-01-2020 cho ông Nông Văn T và bà Hứa Thị H; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 02 (hai) cây bạch đàn có đường kính 5cm; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 05m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

[7] Bà Hoàng Thị T được quyền quản lý, sử dụng đất có diện tích đất tranh chấp 10,7m², thuộc một phần của thửa đất số 295, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh thửa D-E-L-M; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480106, sổ vào sổ cấp GCN: CS-01925, cấp ngày 27-02-2020 cho bà Hoàng Thị T; địa chỉ: Thôn Phai L, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu 01 (một) cây bạch đàn đường kính 80cm, 01 (một) cây keo có đường kính 30cm có trên đất tranh chấp; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 05m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

[8] Bà Dương Thị T được quyền quản lý, sử dụng:

- Diện tích đất tranh chấp 8,4m², thuộc một phần của thửa đất số 324, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh thửa E-F-K-L; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480132, sổ vào sổ cấp GCN: CS-01929, cấp ngày 28-02-2020 cho bà Dương Thị T; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 01 (một) hàng rào bụi gai dài 3m; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 4,18m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

- Diện tích đất tranh chấp 56,8m², thuộc một phần của thửa đất số 325, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh

thửa F-G-H1-H2-I-J-K; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480134, số vào sổ cấp GCN: CS- 01927, cấp ngày 28-02-2020 cho bà Dương Thị T; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 03 (ba) bụi tre (02 bụi tre to, 01 bụi tre nhỏ, tổng số là 120 cây), 01 (một) bụi gai nhỏ dài khoảng 1,8m; một phần bức tường xây bằng gạch chi, không trát có chiều dài 29,22m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng); 01 (một) cổng phi 80cm, dài 02m.

[9] Nghĩa vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Q người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Phong Q, chức vụ Giám đốc Công ty; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, buộc phải tự tháo dỡ di dời 01 cột điện gắn liền với đường dây tải điện ra khỏi vị trí đất tranh chấp có liên quan đến thửa đất của các chủ sử dụng đất; cụ thể:.

- Tự tháo dỡ, di dời 01 (một) cột điện H7,5m và đường dây tải điện dài 18,60m được giới hạn bởi các điểm U-T ra khỏi thửa đất số 322 tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480133, số vào sổ cấp GCN: CS-01928, cấp ngày 28-02-2020 cho bà Dương Thị T.

- Tự tháo dỡ, di dời dây tải điện dài 14,80m được giới hạn bởi các điểm T-S ra khỏi thửa đất số 323 tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 480131, số vào sổ cấp GCN: CS-01930, cấp ngày 28-02-2020 cho bà Dương Thị T.

- Tự phải tháo dỡ, di dời đường dây tải điện có chiều dài 3,28m, được giới hạn bởi các điểm Q-R ra khỏi thửa đất số 292, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 510385, số vào sổ cấp GCN: CS-01887, cấp ngày 20-01-2020 cho ông Trần Xuân Q.

[10] Về chi phí tố tụng: Tổng cộng chi phí: 28.576.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Đại diện của các nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận phía các nguyên đơn chịu toàn bộ; xác nhận các nguyên đơn đã nộp đủ số tiền 28.576.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Vũ Phong Q là người cao tuổi kháng cáo có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông Vũ Phong Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là bị đơn ông Vũ

Phong Q phải chịu toàn bộ. Tuy nhiên, do bị đơn ông Vũ Phong Q là người cao tuổi và có đơn yêu cầu được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông Vũ Phong Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Công ty trách nhiệm hữu hạn Q, người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Phong Q, chức vụ Giám đốc Công ty; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Triệu Quang H thống nhất tự thỏa thuận với đại diện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Q để các nguyên đơn ông Trần Xuân Q, bà Dương Thị T, ông Triệu Cương Q, ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

[13] Hoàn trả ông Trần Xuân Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002309 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002344 ngày 11 tháng 8 năm 2021; hoàn trả bà Dương Thị T số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002306 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002348 ngày 11 tháng 8 năm 2021; hoàn trả lại ông Triệu Cương Q số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002307 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002345 ngày 11 tháng 8 năm 2021; hoàn trả lại ông Nông Văn T số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002308 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002346 ngày 11 tháng 8 năm 2021; hoàn trả lại bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002305 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002347 ngày 11 tháng 8 năm 2021. Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[14] Phát biểu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm; cụ thể:

Căn cứ Điều 164, Điều 169, Điều 280, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, 26, 166, 170, Điều 99, Điều 100 và Điều 203 của Luật Đất

đại năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện ông Triệu Quang H theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Trần Xuân Q, bà Dương Thị T, ông Triệu Cương Q, ông Nông Văn T, bà Hoàng Thị T và bị đơn ông Vũ Phong Q tự thỏa thuận các nguyên đơn tự nguyện bồi thường và hỗ trợ cho phía bị đơn ông Vũ Phong Q số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); xác nhận ông Vũ Phong Q đã được ông Triệu Quang H giao nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tại phiên tòa phúc thẩm, theo biên bản giao nhận tiền ngày 11/3/2022.

2. Quyền sử dụng đất tranh chấp và quyền sở hữu tài sản trên đất tranh chấp:

2.1. Ông Trần Xuân Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 39m², thuộc một phần thửa đất số 292, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh thửa A-B-O-P; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 510385, số vào sổ cấp GCN: CS-01887, cấp ngày 20-01-2020; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và quyền sở hữu 10 cây bạch đàn (đường kính 5cm-10cm) có trên đất; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 16,93m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

2.2. Ông Triệu Cương Q và bà Triệu Thị H được quyền quản lý, sử dụng đất diện tích đất tranh chấp 11,1m², thuộc một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện trên Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp có các đỉnh thửa C-N-O; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 510376, số vào sổ cấp GCN: CS-01880, cấp ngày 20-01-2020; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 02 cây bạch đàn (01 cây có đường kính dưới 5cm, 01 có đường kính 18cm) trồng trên đất tranh chấp; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 5m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

2.3. Ông Nông Văn T và bà Hứa Thị H được quyền quản lý, sử dụng đất diện tích đất tranh chấp 10,9m², thuộc một phần của thửa đất số 294, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh thửa C-D-M-N; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 510377, số vào sổ cấp GCN: CS-01881, cấp ngày 20-01-2020; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 02 (hai) cây bạch đàn có đường kính 5cm; một phần bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có chiều dài 5m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

2.4. Bà Hoàng Thị T được quyền quản lý, sử dụng đất diện tích đất tranh chấp 10,7m², thuộc một phần của thửa đất số 295, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh thửa D-E-L-M; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 480106, sổ vào sổ cấp GCN: CS-01925, cấp ngày 27-02-2020; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu 01 (một) cây bạch đàn đường kính 80cm, 01 (một) cây keo có đường kính 30cm có trên đất tranh chấp; một phần bức tường xây bằng gạch chi, không trát có chiều dài 5m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

2.5. Bà Dương Thị T được quyền quản lý, sử dụng:

- Diện tích đất tranh chấp 8,4m², thuộc một phần của thửa đất số 324, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh thửa E-F-K-L; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 480132, sổ vào sổ cấp GCN: CS-01929, cấp ngày 28-02-2020; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 01 (một) hàng rào bụi gai dài 3m; một phần bức tường xây bằng gạch chi, không trát có chiều dài 4,18m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng).

- Diện tích đất tranh chấp 56,8m², thuộc một phần của thửa đất số 325, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp và Phụ lục Sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo có các đỉnh thửa F-G-H1-H2-I-J-K; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 480134, sổ vào sổ cấp GCN: CS-01927, cấp ngày 28-02-2020; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 03 (ba) bụi tre (02 bụi tre to, 01 bụi tre nhỏ, tổng số là 120 cây), 01 (một) bụi gai nhỏ dài khoảng 1,8m; một phần bức tường xây bằng gạch chi, không trát có chiều dài 29,22m, chiều cao trung bình 2,1m (tính cả phần móng); 01 (một) cổng phi 80cm, dài 2m.

Toàn bộ diện tích đất tranh chấp ghi tại mục 02 có Sơ đồ khu đất tranh chấp lập ngày 22 tháng 6 năm 2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tư vấn dịch vụ môi trường Lạng Sơn thực hiện và Phụ lục đính kèm theo Bản án.

3. Nghĩa vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Q người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Phong Q, chức vụ Giám đốc Công ty; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q phải tự tháo dỡ, di dời 01 (một) cột điện H7,5m và đường dây điện dài 18,60m được giới hạn bởi các điểm U-T ra khỏi diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 322 và đường dây điện dài 14,80m được giới hạn bởi các điểm T-S ra khỏi diện tích đất tranh chấp thuộc

thửa đất số 323 tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để trả lại diện tích đất tranh chấp cho bà Dương Thị T.

3.2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Quyết T phải tháo dỡ, di dời đường dây điện có chiều dài 3,28m, được giới hạn bởi các điểm Q-R ra khỏi diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 292, tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông Trần Xuân Q.

Có Sơ đồ khu đất tranh chấp lập ngày 22 tháng 6 năm 2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tư vấn dịch vụ môi trường Lạng Sơn thực hiện và Phụ lục đính kèm theo Bản án.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng chi phí: 28.576.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Các nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ; xác nhận các nguyên đơn đã nộp đủ số tiền 28.576.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Vũ Phong Q được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Q, người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Phong Q, chức vụ Giám đốc và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Triệu Quang H tự thỏa thuận để các nguyên đơn chịu 300.000 đồng sung ngân sách Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí phúc thẩm: Ông Vũ Phong Q được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5.3. Hoàn trả ông Trần Xuân Q được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002309 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002344 ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Hoàn trả bà Dương Thị T được trả lại số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002306 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002348 ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Hoàn trả lại ông Triệu Cương Q được trả lại số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002307 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002345 ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Hoàn trả lại ông Nông Văn T số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002308 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002346 ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Hoàn trả lại bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí

600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002305 ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0002347 ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh LS;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh LS;
- Các đương sự; người BVQ&LIHP của DS;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh LS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh LS;
- Các đương sự; người BVQ&LIHP của DS;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

Hồ Đức Châm